

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2025/DS-ST
Ngày 25-4-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng
cầm cố tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Văn Công Trọn**
2. Ông **Hồ Quang Minh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Cẩm Hương** – Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1065/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY.

Trụ sở: 128 - N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật:

Ông **KANOKWATPAISAL NAPAT** – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền:

Ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1989 (đề nghị xét xử vắng mặt), địa chỉ cư trú: Số B, đường C, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông **Lê Trung T1**, sinh năm 1999 (Vắng mặt), địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/ Nguyên đơn **Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY** (gọi tắt: **Công ty**), người đại diện là ông **Trần Thanh T** trình bày:

Căn cứ Hợp đồng cầm cố số ACM231201001NA23X ngày 02/12/2023 ký giữa ông T1 với Công ty TNHH S1 – Chi nhánh C Cái Nước 2, theo đó ông T1 cầm cố cho Công ty: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE ALPHA, biển số xe 69N1-843.93, số khung RLHJA3920PY416021, số máy JA39E302834, Giấy chứng nhận đăng ký số 000644 do Công an xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 01/3/2023, số tiền cầm cố là 10.750.000 đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng; gốc, lãi, phí trả hàng tháng 01 lần vào ngày 02 tây, lãi suất cầm cố là 1.1%/tháng và các khoản phí phát sinh theo thỏa thuận các bên tại Hợp đồng cầm cố và phí hao mòn tài sản theo các bên đã thỏa thuận. Ngoài ra, khi thanh toán quá hạn ông T1 còn phải chịu phí phạt bằng 150% lãi trong hạn, phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại (mục 6 phụ lục Hợp đồng 8% nghĩa vụ bị vi phạm, trường hợp chậm trả quá 10 ngày, vi phạm Hợp đồng mà không gia hạn Chi nhánh sẽ tiến hành thu hồi tài sản để thay cho nghĩa vụ vay được đảm bảo, mục đích cầm cố sử dụng mục đích cá nhân không vi phạm pháp luật, ngày hết hạn 02/12/2024. Do có nhu cầu đi lại và phục vụ công việc, ngày 02/12/2023 ông T1 đã có đơn gửi Công ty X mượn lại chiếc xe để phục vụ đi lại và cam kết theo theo nội dung giấy mượn xe, tài sản mượn, thời gian mượn là 01 tháng từ ngày 02/12/2023 đến ngày 02/01/2024, phí mượn xe 537.500 đồng/tháng. Công ty đã đồng ý cho khách hàng mượn tài sản nêu trên theo nguyện vọng và khách hàng cam kết thực hiện đúng nội dung đã ký cam kết trên Hợp đồng và Giấy mượn xe, giấy tờ khác liên quan, ông T1 cam kết trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận” theo yêu cầu từ Công ty. Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông T1 đã thanh toán cho Công ty với số tiền 6.065.000 đồng (gốc 4.231.817 đồng, lãi 499.628 đồng, phí quản lý hồ sơ 162.955 đồng, phí mượn xe 1.612.500 đồng, phí chậm thanh toán 31.767 đồng). Ngày 02/06/2024 ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ Hợp đồng cầm cố, Công ty đã nhiều lần gọi điện, cử nhân viên Công ty đến gặp trực tiếp ông T1 thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng cầm cố đã ký hoặc bàn giao tài sản cầm cố đã mượn lại của Công ty để đảm bảo cho khoản cầm cố của ông T1 với Công ty, nhưng ông T1 vẫn không hợp tác, cố ý lẩn tránh không thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký và không bàn giao tài sản cầm cố mà ông T1 đã mượn của Công ty theo Giấy mượn xe ngày 02/12/2023.

Nay, Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xem xét, giải quyết: Buộc ông T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô được nêu tại Mục 1 đơn này, theo cam kết trên Giấy mượn xe. Trường hợp ông T1 không trả lại xe, buộc ông T1 phải thanh toán cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày 02/10/2024 là 11.864.636 đồng (tiền gốc 6.518.183 đồng, tiền lãi trong hạn 358.500 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định 162.955 đồng, tiền lãi quá hạn 455.807 đồng, phí mượn xe 2.687.500 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 521.455 đồng, chi phí tố tụng 703.964 đồng). Ngoài ra ông T1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo Hợp đồng cầm cố và Giấy mượn xe từ ngày 02/10/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp ông T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, Công ty được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Công ty.

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY cung cấp cho Toà án 01 (một) Bản tự khai ngày 25/4/2025 xác định lại với yêu cầu khởi kiện như sau:

- Buộc ông T1 phải thanh toán cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày 25/4/2025 với tổng số tiền là 11.291.653 đồng (làm tròn 11.291.000 đồng), trong đó:

+ Tiền gốc 6.518.183 đồng.

+ Tiền lãi trong hạn 7 tháng (từ 02/06/2024 đến 02/12/2024) = 6.518.183 đồng x 1,1 % x 7 tháng = 501.900 đồng.

+ Tiền lãi quá hạn từ 03/12/2024 đến 25/04/2025 là 4 tháng 22 ngày: 6.518.183 đồng x 1,65% x 4 tháng = 509.070 đồng.

+ P mượn xe: 537.500 đồng x 7 tháng = 3.762.500 đồng.

Ông T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc sau ngày 25/4/2025 theo thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố ngày 02/12/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Đối với các yêu cầu về việc yêu cầu ông T1 trả: tiền phí quản lý hồ sơ cố định số tiền 162.955 đồng, chi phí tố tụng số tiền 703.964 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền 521.455 đồng, chiếc xe nhãn hiệu HONDA, loại WAVE ALPHA, biển số xe 69N1-843.93, Công ty xin rút lại.

*/ Đối với bị đơn ông **Lê Trung T1** vắng mặt, không có yêu cầu gì ở vụ án này, văn bản tố tụng của Toà án đã tổng đạt cho ông T1 đều hợp lệ.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY là ông Trần Thanh T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là ông Lê Trung T1 vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về chấp hành pháp luật của đương sự:

Đại diện nguyên đơn là Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY là ông Trần Thanh T đề nghị xét xử vắng mặt; đối với bị đơn là ông Lê Trung T1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần xét xử vắng mặt đương sự nêu trên, là phù hợp.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

[1.3] Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY khởi kiện để yêu cầu bị đơn ông Lê Trung T1 phải có nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi thông qua Hợp đồng cầm cố ngày 02/12/2023 ký giữa Công ty TNHH S1 (nay là Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY) với ông Lê Trung T1 số tiền 11.291.000 đồng (đại diện nguyên đơn đề nghị làm tròn số).

Căn cứ Điều 309 của Bộ luật Dân sự năm 2015 khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY, thấy rằng:

Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY khởi kiện yêu cầu ông T1 thanh toán số tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/4/2025, là:

Số tiền 11.291.000 đồng (đại diện nguyên đơn đề nghị làm tròn số).

Trong đó: tiền gốc 6.518.183 đồng, tiền lãi trong hạn 07 tháng 501.900 đồng, tiền lãi quá hạn 509.070 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc từ ngày 25/4/2025 theo thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố ngày 02/12/2023 cho đến khi trả hết nợ. Lý do, chiếc xe (tài sản cầm cố) ông T1 đang quản lý sử dụng theo thỏa thuận tại Giấy mượn xe ngày 02/12/2023, là có cơ sở chấp nhận.

Theo chứng cứ là Hợp đồng cầm cố ngày 02/12/2023 mà do Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY cung cấp cho Tòa án thể hiện ông T1 đã cầm cố tài sản là chiếc xe nhãn hiệu HONDA, loại WAVE ALPHA, biển số xe 69N1-843.93, do ông T1 đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký số 000644 do Công an xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 01/3/2023 và nhận số tiền cầm cố là 10.750.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T1 không có văn bản phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quy định: “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”, nên Hội đồng xét xử có cơ sở buộc ông T1 phải có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY số tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/4/2025, là 11.291.000 đồng (đại diện nguyên đơn đề nghị làm tròn số), trong đó: tiền gốc 6.518.183 đồng, tiền lãi trong hạn 07 tháng 501.900 đồng, tiền lãi quá hạn 509.070 đồng, buộc ông T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc từ ngày 25/4/2025 theo thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố ngày 02/12/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Như vậy, sau khi ông T1 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY, thì Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY có trách nhiệm trả lại cho ông T1 bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký số 000644 do Công an xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau cấp đứng tên Lê Trung T1 ngày 01/3/2023.

Xét, Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông T1 trả: tiền phí quản lý hồ sơ cố định số tiền 162.955 đồng, chi phí tố

tụng số tiền 703.964 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền 521.455 đồng, chiếc xe nhãn hiệu HONDA, loại WAVE ALPHA, biển số xe 69N1-843.93, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY, là phù hợp.

[3] **Về án phí:** Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY, về án phí được xử lý như sau:

- Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY được nhận lại tiền tạm ứng án phí.
- Buộc ông T1 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch số tiền 564.550 đồng (11.291.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các điều 217, 218, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 309, 311, 312, 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY.

Buộc ông Lê Trung T1 phải có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/4/2025, với tổng số tiền là 11.291.000 đồng (Mười một triệu hai trăm chín mươi một ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo sau ngày 25/4/2025 ông Lê Trung T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc theo thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố số ACM231201001NA23X ngày 02/12/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Buộc Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY trả cho ông Lê Trung T1 bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký số 000644 do Công an xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau cấp đứng tên Lê Trung T1 ngày 01/3/2023.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY về việc yêu cầu bị đơn là ông Lê Trung T1 trả: tiền phí quản lý hồ sơ cố định số tiền 162.955 đồng, chi phí tố tụng số tiền 703.964 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền 521.455 đồng, chiếc xe nhãn hiệu HONDA, loại WAVE ALPHA, biển số xe 69N1-843.93.

2/ Về án phí:

Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY được nhận lại tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu 0005018 ngày 10/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Buộc ông Lê Trung T1 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch số tiền 564.550 đồng (Năm trăm sáu mươi bốn ngàn năm trăm năm mươi đồng – Chưa nộp).

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY và bị đơn là ông Lê Trung T1 được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thành Quang